

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) và công ty con được trình bày từ trang 5 đến trang 69, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

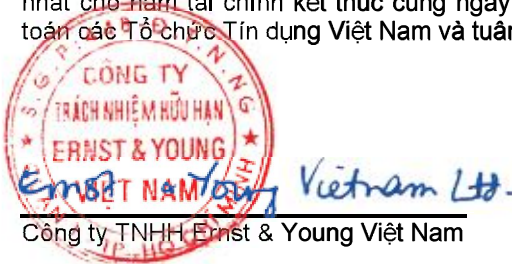
Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam


Michael Yu Lin
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0629/KTV


Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0923/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc	5	465.014	420.562
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	823.202	1.032.968
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	7	7.942.421	8.167.408
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	7.1	7.734.873	8.026.972
Cho vay các TCTD khác	7.2	209.116	141.813
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10	(1.568)	(1.377)
Chứng khoán kinh doanh		3.355	13.836
Chứng khoán kinh doanh	8	11.243	16.900
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	13	(7.888)	(3.064)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	21	-	2.238
Cho vay khách hàng		19.597.646	19.665.526
Cho vay khách hàng	9	19.915.501	19.876.899
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(317.855)	(211.373)
Chứng khoán đầu tư	11	7.145.381	4.790.905
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	311.938	201.404
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	6.884.001	4.594.197
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	13	(50.558)	(4.696)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		321.972	320.005
Đầu tư vào công ty con		-	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	54.523	52.753
Đầu tư dài hạn khác	12.2	268.039	268.039
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13	(590)	(787)
Tài sản cố định		716.538	627.468
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	14.1	542.077	498.170
Nguyên giá tài sản cố định		680.781	594.953
Hao mòn tài sản cố định		(138.704)	(96.783)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	14.2	174.461	129.298
Nguyên giá tài sản cố định		222.273	156.348
Hao mòn tài sản cố định		(47.812)	(27.050)
Bất động sản đầu tư		-	5.465
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	5.465
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	15	4.526.430	2.969.308
Các khoản phải thu	15.1	3.577.180	1.715.448
Các khoản lãi, phí phải thu		643.572	379.942
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản có khác	15.2	368.556	904.908
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	15.3	(62.878)	(30.990)
TỔNG TÀI SẢN		41.541.959	38.015.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	1.212.376	100.000
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	9.458.785	6.421.815
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	9.359.675	6.421.815
Vay các TCTD khác	17.2	99.110	-
Tiền gửi của khách hàng	18	20.249.558	23.457.313
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	19	9.347	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	20	51.270	15.848
Phát hành giấy tờ có giá	21	5.239.916	2.490.000
Các khoản nợ khác		597.617	878.504
Các khoản lãi, phí phải trả		479.886	383.594
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	22	94.041	464.817
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	23.690	30.093
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		36.818.869	33.363.480
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD		4.224.152	4.223.158
Vốn điều lệ	24.1	4.200.000	3.830.764
Vốn đầu tư XD CB	24.1	994	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.1	204.299	573.535
Cổ phiếu quỹ	24.1	(181.141)	(181.141)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Quỹ của TCTD		168.819	82.014
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	330.119	347.037
Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24.1	4.723.090	4.652.209
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.541.959	38.015.689

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh tài chính		842.622	874.671
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		876.926	1.812.073
Bảo lãnh khác		1.063.542	785.858
Các cam kết đưa ra			
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
	39	2.783.090	3.472.602

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:





Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng Kế toán Tổng
hợp và Thống kê

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng

Ông Đặng Quang Minh
Quyền Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

B03/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2011 triệu đồng</i>	<i>Năm 2010 triệu đồng</i>
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	5.090.760	3.300.305
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(3.218.684)	(2.091.747)
Thu nhập lãi thuần		1.872.076	1.208.558
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		181.537	234.462
Chi phí hoạt động dịch vụ		(170.650)	(101.022)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	10.887	133.440
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	(14.743)	(6.913)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	(4.861)	(40.794)
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	(54.908)	29.658
Thu nhập từ hoạt động khác		11.874	2.564
Chi phí hoạt động khác		(8.910)	(5.251)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	33	2.964	(2.687)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	26.261	22.645
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.837.676	1.343.907
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(366.291)	(250.947)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(65.864)	(50.097)
Chi phí hoạt động khác		(433.870)	(287.854)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(866.025)	(588.898)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		971.651	755.009
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(570.017)	(93.596)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		401.634	661.413
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(94.588)	(165.264)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.2	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(94.588)	(165.264)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		307.046	496.149
Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
LỢI NHUẬN THUẦN CỦA CHỦ SỞ HỮU		307.046	496.149
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	25	742	1.317
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được điều chỉnh (đồng/cổ phiếu)	25	742	1.199
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	25	714	1.198

Người lập:



Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng Kế toán Tổng
hợp và Thống kê

Người kiểm soát:



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Quang Minh
Quyền Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2011 triệu đồng</i>	<i>Năm 2010 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.772.498	3.166.629
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.122.393)	(1.928.833)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		10.887	133.440
Chênh lệch số tiền thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		(23.827)	(18.951)
Thu nhập khác		2.466	(2.690)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		51	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(925.769)	(510.350)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	23.1	(108.886)	(170.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		605.027	668.468
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(2.376.068)	2.783.495
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(3.094.681)	(1.050.510)
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		2.238	(2.238)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(38.603)	(6.993.938)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	10	(469.747)	(8.607)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(1.225.234)	(2.267.118)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		1.112.376	62.977
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD (Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		3.036.970	87.613
		(3.207.755)	8.455.471
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		2.749.916	1.890.000
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		35.422	848
Tăng/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		9.347	(4.002)
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(368.423)	72.281
Chi từ các quỹ của TCTD		(32.796)	(10.390)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(3.262.011)	3.684.350
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(52.808)	(171.855)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		269	4
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	(5.465)
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		5.800	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	12	(1.700)	(62.764)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	78.875
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	34	25.994	23.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.445)	(137.408)

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2011 triệu đồng</i>	<i>Năm 2010 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần		-	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	600.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(181.722)	(298.307)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
		(181.722)	301.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(181.722)	301.693
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.466.178)	3.848.635
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		9.395.076	5.546.441
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	36	5.928.898	9.395.076

Các giao dịch phi tiền tệ

Trong năm 2011, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng từ 3.830.764 triệu đồng lên 4.200.000 triệu đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 9,849388% trên số cổ phần sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần được chấp thuận tại Công văn số 7498/NHNN-TTGSNH ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng Kế toán Tổng
hợp và Thống kê



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng



Ông Đặng Quang Minh
Quyền Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2012